Trường THPT Quảng Oai - TKB Số 2
Năm học 2024 - 2025
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## BUỔI CHIỀU

*Áp dụng từ ngày 30 tháng 09 năm 2024*

| THỨ | TIẾT | 10A01 | 10A02 | 10A03 | 10A04 | 10A05 | 10A06 | 10A07 | 10A08 | 10A09 | 10A10 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 1 | Toán - Chiến | Toán - Tân | Toán - Thành | Hoá - AnhH | Sử - Hiền | NNgữ - GiangA | Toán - Tuân | GDĐP - Bích | Văn - HươngV | Sinh - Hằng |
| | 2 | Toán - Chiến | Hoá - AnhH | TN2 - Ngàn | Toán - Đỗ Nga | CNCN - Ngà | Toán - N-Thuỷ | Sinh - Huệ | Tin - TúT | Sinh - Hằng | Tin - QuangT |
| | 3 | KTPL - Hoa | Hoá - AnhH | Tin - TúT | Toán - Đỗ Nga | Lý - Kỳ | GDĐP - Bích | Văn - HươngV | Sinh - Huệ | Toán - N-Thuỷ | Toán - Tuân |
| | 4 | Lý - Tưởng | KTPL - Hoa | Lý - Ngàn | Tin - QuangT | Hoá - LộcH | Lý - Nhàn | Hoá - Hiếu | Toán - L Thuỷ | Hoá - Dương | Toán - Tuân |
| | 5 | TN1;3 - Dương | TN1;3 - Hoa | TN1;3 - Ngàn | TN1;3 - VânL | TN1;3 - LộcH | TN1;3 - Nhàn | TN1;3 - Hiếu | TN1;3 - L Thuỷ | TN1;3 - N-Thuỷ | TN1;3 - Tuân |
| 3 | 1 | Toán - Chiến | GDĐP - HảiS | NNgữ - Quyến | Lý - VânL | Toán - LongT | CNCN - Ngà | TN2 - Hiếu | Sử - Hiền | Tin - QuangT | Toán - Tuân |
| | 2 | KTPL - Hoa | Toán - Tân | CNCN - Châu | CNCN - Ngà | Toán - LongT | Sử - Hiền | Toán - Tuân | Văn - HươngV | Sinh - Hằng | Văn - NgaV |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 4 | 1 | Sử - Thắng | NNgữ - Sự | Văn - Phượng | Tin - QuangT | Văn - NgaV | NNgữ - GiangA | Văn - HươngV | Toán - L Thuỷ | Sử - Hiền | NNgữ - Quyến |
| | 2 | Lý - Ngàn | NNgữ - Sự | Văn - Phượng | Sử - Thắng | Văn - NgaV | Tin - QuangT | Văn - HươngV | Sinh - Huệ | GDĐP - Bích | Hoá - Minh |
| | 3 | Lý - Ngàn | Văn - Phượng | Sử - Thắng | NNgữ - Nguyên | Lý - Kỳ | Văn - HươngV | Sinh - Huệ | NNgữ - Sự | Địa - Chương | Tin - QuangT |
| | 4 | NNgữ - GiangA | Lý - Ngàn | Lý - Tưởng | Toán - Thoa | Tin - QuangT | Văn - HươngV | GDĐP - Bích | Địa - Chương | NNgữ - Nguyên | Địa - Xuyến |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 5 | 1 | Hoá - Dương | Toán - Tân | Toán - Thành | Hoá - AnhH | GDĐP - HảiS | Văn - HươngV | CNNN - VânK | Hoá - Hiếu | Tin - QuangT | NNgữ - Quyến |
| | 2 | Hoá - Dương | Toán - Tân | Hoá - AnhH | NNgữ - Nguyên | Tin - QuangT | Toán - N-Thuỷ | Hoá - Hiếu | NNgữ - Sự | Văn - HươngV | NNgữ - Quyến |
| | 3 | TN2 - Dương | CNNN - VânK | Hoá - AnhH | Văn - Phượng | NNgữ - Nguyên | Tin - QuangT | Sử - Hiền | NNgữ - Sự | Sinh - Hằng | Văn - NgaV |
| | 4 | CNNN - VânK | Sử - Thắng | NNgữ - Quyến | Văn - Phượng | NNgữ - Nguyên | Hoá - BìnhH | NNgữ - AnhNN | Văn - HươngV | Toán - N-Thuỷ | Sinh - Hằng |
| | 5 | GDĐP - HảiS | NNgữ - Sự | NNgữ - Quyến | NNgữ - Mai | CNCN - Ngà | Hoá - BìnhH | NNgữ - AnhNN | Văn - HươngV | Toán - N-Thuỷ | Sinh - Hằng |
| 6 | 1 | Toán - Chiến | Lý - Tưởng | CNCN - Châu | Toán - Đỗ Nga | Văn - NgaV | Toán - N-Thuỷ | NNgữ - AnhNN | Địa - Chương | Văn - HươngV | Sử - Hồng |
| | 2 | NNgữ - GiangA | Hoá - AnhH | Toán - Thành | Lý - VânL | Toán - LongT | Toán - N-Thuỷ | Lý - Tưởng | Tin - TúT | Văn - HươngV | Địa - Xuyến |
| | 3 | NNgữ - GiangA | Văn - Phượng | Toán - Thành | Hoá - AnhH | Toán - LongT | Hoá - BìnhH | Lý - Tưởng | Sinh - Huệ | Địa - Chương | Văn - NgaV |
| | 4 | Văn - Trang | Văn - Phượng | Tin - TúT | TN2 - VânL | Lý - Kỳ | NNgữ - GiangA | Sinh - Huệ | Văn - HươngV | Toán - N-Thuỷ | Văn - NgaV |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 7 | 1 | Văn - Trang | TN2 - Hoa | Văn - Phượng | GDĐP - HảiS | TN2 - LộcH | TN2 - Nhàn | Toán - Thoa | TN2 - L Thuỷ | TN2 - N-Thuỷ | TN2 - Tuân |
| | 2 | Văn - Trang | CNNN - VânK | Hoá - AnhH | Văn - Phượng | NNgữ - Nguyên | Lý - Nhàn | Toán - Tuân | Toán - L Thuỷ | Hoá - Dương | Hoá - Minh |
| | 3 | CNNN - VânK | KTPL - Hoa | Lý - Ngàn | CNCN - Ngà | Hoá - LộcH | Lý - Nhàn | Hoá - Hiếu | Toán - L Thuỷ | NNgữ - Nguyên | Toán - Tuân |
| | 4 | Hoá - Dương | Lý - Ngàn | GDĐP - HảiS | Lý - VânL | Hoá - LộcH | CNCN - Ngà | CNNN - VânK | Hoá - Hiếu | NNgữ - Nguyên | GDĐP - Bích |
| | 5 | TN1;3 - Dương | TN1;3 - Hoa | TN1;3 - Ngàn | TN1;3 - VânL | TN1;3 - LộcH | TN1;3 - Nhàn | TN1;3 - Hiếu | TN1;3 - L Thuỷ | TN1;3 - N-Thuỷ | TN1;3 - Tuân |

Trường THPT Quảng Oai - TKB Số 2
Năm học 2024 - 2025
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## BUỔI CHIỀU

*Áp dụng từ ngày 30 tháng 09 năm 2024*

| THỨ | TIẾT | 10A11 | 10A12 | 10A13 | 10A14 | 10A15 | 11A08 | 11A09 | 11A10 | 11A11 | 11A12 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 1 | Tin - QuangT | Văn - HoànV | GDĐP - ThủyĐ | GDĐP - Xuyến | Văn - NgaV | NNgữ - QuangA | Lý - Kỳ | CNCN - Châu | KTPL - Uyên | Toán - ThuýT |
| | 2 | Văn - HoànV | Địa - ThủyĐ | Toán - L Long | Văn - NgaV | GDĐP - Xuyến | CNCN - Châu | Toán - Vĩnh | Lý - Kỳ | Sử - Hiền | Toán - ThuýT |
| | 3 | Toán - L Long | Toán - HuyềnT | Địa - ThủyĐ | Văn - NgaV | Địa - Xuyến | Văn - ThúyV | Toán - Vĩnh | KTPL - Uyên | CNCN - Châu | Sử - Hiền |
| | 4 | Toán - L Long | Toán - HuyềnT | Sinh - Bích | Địa - Xuyến | CNCN - Ngà | Lý - Kỳ | Địa - LộcĐ | TN2 - Uyên | Toán - ThuýT | Văn - VânV |
| | 5 | TN1;3 - Phấn | TN1;3 - Thơm | TN1;3 - Bích | TN1;3 - AnhH | TN1;3 - Ngà | TN1;3 - ThúyV | TN1;3 - LộcĐ | TN1;3 - Uyên | TN1;3 - ThuýT | TN1;3 - VânV |
| 3 | 1 | Sử - Hồng | Sử - NgaS | Hoá - BìnhH | Văn - NgaV | KTPL - Hoa | KTPL - Uyên | NNgữ - Quỳnh | NNgữ - QuangA | CNCN - Châu | NNgữ - Nhinh |
| | 2 | Sinh - HảiS | Tin - HoànT | Sử - NgaS | Toán - L Long | Hoá - BìnhH | Toán - DungT | Địa - LộcĐ | KTPL - Uyên | Văn - VânV | Lý - Tưởng |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 4 | 1 | Văn - HoànV | NNgữ - AnhNN | Sinh - Bích | Địa - Xuyến | Toán - Thoa | Văn - ThúyV | Văn - Trang | Toán - LongT | Địa - Chương | Lý - Tưởng |
| | 2 | Văn - HoànV | Toán - Thoa | NNgữ - AnhNN | Toán - L Long | Địa - Xuyến | Văn - ThúyV | Văn - Trang | Lý - Kỳ | NNgữ - GiangA | Địa - Chương |
| | 3 | Địa - Xuyến | Văn - HoànV | Toán - L Long | Sinh - Bích | NNgữ - AnhNN | TN2 - ThúyV | Sử - Hiền | Văn - Trang | NNgữ - GiangA | Toán - ThuýT |
| | 4 | Hoá - Minh | Văn - HoànV | Văn - Phượng | NNgữ - Sự | NNgữ - AnhNN | Sử - Thắng | Lý - Kỳ | Văn - Trang | Toán - ThuýT | Sử - Hiền |
| | 5 | | | | | | Toán - DungT | Lý - Kỳ | Sử - Hiền | TN2 - ThuýT | GDĐP - Thoa |
| 5 | 1 | Văn - HoànV | NNgữ - AnhNN | TN2 - Bích | NNgữ - Sự | Toán - Thoa | CNCN - Châu | NNgữ - Quỳnh | GDĐP - LongT | Lý - Kỳ | Địa - Chương |
| | 2 | Sinh - HảiS | Văn - HoànV | Hoá - BìnhH | Toán - L Long | Toán - Thoa | Sử - Thắng | CNCN - Châu | Sử - Hiền | Lý - Kỳ | TN2 - VânV |
| | 3 | NNgữ - AnhNN | Hoá - BìnhH | Sinh - Bích | Toán - L Long | TN2 - Ngà | Lý - Kỳ | GDĐP - Thoa | Địa - Chương | Văn - VânV | CNCN - Châu |
| | 4 | Toán - L Long | Sinh - HảiS | Tin - HoànT | Sinh - Bích | Văn - NgaV | Địa - Chương | Sử - Hiền | Toán - LongT | Văn - VânV | Lý - Tưởng |
| | 5 | Tin - QuangT | Toán - HuyềnT | Văn - Phượng | Tin - HoànT | Văn - NgaV | NNgữ - QuangA | Toán - Vĩnh | Toán - LongT | Sử - Hiền | Văn - VânV |
| 6 | 1 | Địa - Xuyến | TN2 - Thơm | Tin - HoànT | NNgữ - Sự | Hoá - BìnhH | Lý - Kỳ | KTPL - Uyên | Văn - Trang | NNgữ - GiangA | Toán - ThuýT |
| | 2 | Toán - L Long | Tin - HoànT | NNgữ - AnhNN | Văn - NgaV | Hoá - BìnhH | GDĐP - HảiS | Văn - Trang | CNCN - Châu | Lý - Kỳ | KTPL - Uyên |
| | 3 | NNgữ - AnhNN | Sinh - HảiS | Toán - L Long | Tin - HoànT | Địa - Xuyến | KTPL - Uyên | Văn - Trang | Lý - Kỳ | GDĐP - Tân | NNgữ - Nhinh |
| | 4 | Sinh - HảiS | Hoá - BìnhH | Toán - L Long | Hoá - AnhH | NNgữ - AnhNN | Địa - Chương | CNCN - Châu | Toán - LongT | KTPL - Uyên | NNgữ - Nhinh |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 7 | 1 | TN2 - Phấn | Địa - ThủyĐ | NNgữ - AnhNN | TN2 - AnhH | CNCN - Ngà | NNgữ - QuangA | NNgữ - Quỳnh | Địa - Chương | Văn - VânV | CNCN - Châu |
| | 2 | GDĐP - HươngĐ | Sinh - HảiS | Địa - ThủyĐ | Sử - NgaS | Toán - Thoa | Toán - DungT | Toán - LongT | NNgữ - QuangA | Địa - Chương | KTPL - Uyên |
| | 3 | NNgữ - AnhNN | GDĐP - ThủyĐ | Văn - Phượng | Sinh - Bích | Sử - NgaS | Toán - DungT | KTPL - Uyên | NNgữ - QuangA | Toán - ThuýT | Văn - VânV |
| | 4 | Hoá - Minh | NNgữ - AnhNN | Văn - Phượng | Hoá - AnhH | KTPL - Hoa | Văn - ThúyV | TN2 - LộcĐ | Văn - Trang | Toán - ThuýT | Văn - VânV |
| | 5 | TN1;3 - Phấn | TN1;3 - Thơm | TN1;3 - Bích | TN1;3 - AnhH | TN1;3 - Ngà | TN1;3 - ThúyV | TN1;3 - LộcĐ | TN1;3 - Uyên | TN1;3 - ThuýT | TN1;3 - VânV |

Trường THPT Quảng Oai - TKB Số 2
Năm học 2024 - 2025
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## BUỔI CHIỀU

*Áp dụng từ ngày 30 tháng 09 năm 2024*

| THỨ | TIẾT | 11A13 | 11A14 | 11A15 | 11A01HT | 11A02HT | 11A03HT | 11A04HT | 11A05HT | 11A06HT | 11A07HT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 1 | NNgữ - Nụ | Lý - Tưởng | Văn - HuyềnV | | | | | | | |
| | 2 | NNgữ - Nụ | Toán - Tân | Văn - HuyềnV | | | | NNgữ - GiangA | | | Lý - VânL |
| | 3 | KTPL - GiangC | Văn - HuyềnV | Lý - Tưởng | | | | NNgữ - GiangA | | | Lý - VânL |
| | 4 | Địa - HươngĐ | KTPL - GiangC | Sinh - HùngS | | | | NNgữ - GiangA | | | Lý - VânL |
| | 5 | TN1;3 - GiangC | TN1;3 - HươngĐ | TN1;3 - HươngH | | | | | | | |
| 3 | 1 | Toán - Tân | NNgữ - Nụ | Lý - Tưởng | | | | | | | |
| | 2 | Sử - Hồng | NNgữ - Nụ | Sinh - HùngS | Lý - TúL | Lý - VânL | Toán - Đỗ Nga | | NNgữ - Quỳnh | Toán - Chiến | |
| | 3 | | | | Lý - TúL | Lý - VânL | Toán - Đỗ Nga | | NNgữ - Quỳnh | Toán - Chiến | |
| | 4 | | | | Lý - TúL | Lý - VânL | Toán - Đỗ Nga | | NNgữ - Quỳnh | Toán - Chiến | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 4 | 1 | NNgữ - Nụ | GDĐP - Tân | NNgữ - Nhinh | | | | | | | |
| | 2 | Lý - Tưởng | Toán - Tân | KTPL - GiangC | | | | Lý - TúL | | | NNgữ - Nụ |
| | 3 | TN2 - GiangC | Địa - HươngĐ | Toán - LongT | | | | Lý - TúL | | | NNgữ - Nụ |
| | 4 | Toán - Tân | TN2 - HươngĐ | Toán - LongT | | | | Lý - TúL | | | NNgữ - Nụ |
| | 5 | Toán - Tân | Lý - Tưởng | GDĐP - LongT | | | | | | | |
| 5 | 1 | Lý - Tưởng | Sử - Hồng | NNgữ - Nhinh | | | | | | | |
| | 2 | Lý - Tưởng | Văn - HuyềnV | NNgữ - Nhinh | Hoá - Minh | Toán - HảiT | NNgữ - Mai | | Lý - Chức | NNgữ - QuangA | |
| | 3 | Sử - Hồng | Văn - HuyềnV | Toán - LongT | Hoá - Minh | Toán - HảiT | NNgữ - Mai | | Lý - Chức | NNgữ - QuangA | |
| | 4 | Văn - HuyềnV | Toán - Tân | Sử - Hồng | Hoá - Minh | Toán - HảiT | NNgữ - Mai | | Lý - Chức | NNgữ - QuangA | |
| | 5 | CNCN - Châu | Toán - Tân | Lý - Tưởng | | | | | | | |
| 6 | 1 | Toán - Tân | NNgữ - Nụ | Văn - HuyềnV | | | | | | | |
| | 2 | Văn - HuyềnV | Sử - Hồng | TN2 - HươngH | | | | Toán - Chiến | | | Toán - Đỗ Nga |
| | 3 | Văn - HuyềnV | CNCN - Châu | Hoá - HươngH | | | | Toán - Chiến | | | Toán - Đỗ Nga |
| | 4 | GDĐP - Tân | Lý - Tưởng | Sử - Hồng | | | | Toán - Chiến | | | Toán - Đỗ Nga |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 7 | 1 | Địa - HươngĐ | KTPL - GiangC | Toán - LongT | | | | | | | |
| | 2 | KTPL - GiangC | Văn - HuyềnV | Hoá - HươngH | Toán - HảiT | Hoá - TiếnH | Lý - XuânL | | Toán - N-Thuỷ | Lý - Chức | |
| | 3 | Văn - HuyềnV | CNCN - Châu | Hoá - HươngH | Toán - HảiT | Hoá - TiếnH | Lý - XuânL | | Toán - N-Thuỷ | Lý - Chức | |
| | 4 | CNCN - Châu | Địa - HươngĐ | KTPL - GiangC | Toán - HảiT | Hoá - TiếnH | Lý - XuânL | | Toán - N-Thuỷ | Lý - Chức | |
| | 5 | TN1;3 - GiangC | TN1;3 - HươngĐ | TN1;3 - HươngH | | | | | | | |

Trường THPT Quảng Oai - TKB Số 2
Năm học 2024 - 2025
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## BUỔI CHIỀU

*Áp dụng từ ngày 30 tháng 09 năm 2024*

| THỨ | TIẾT | 12A01HT | 12A02HT | 12A03HT | 12A04HT | 12A05HT | 12A06HT | 12A07HT | 12A08HT | 12A09HT | 12A10HT |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | Lý - Chức | Hoá - HươngH | NNgữ - QuangA | Lý - XuânL | Toán - DungT | | Toán - HảiT | | Toán - Thành | |
| | 3 | Lý - Chức | Hoá - HươngH | NNgữ - QuangA | Lý - XuânL | Toán - DungT | | Toán - HảiT | | Toán - Thành | |
| | 4 | Lý - Chức | Hoá - HươngH | NNgữ - QuangA | Lý - XuânL | Toán - DungT | | Toán - HảiT | | Toán - Thành | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 3 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | Hoá - Hiếu | | NNgữ - Nhinh | | Văn - Quân |
| | 3 | | | | | | Hoá - Hiếu | | NNgữ - Nhinh | | Văn - Quân |
| | 4 | | | | | | Hoá - Hiếu | | NNgữ - Nhinh | | Văn - Quân |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 4 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | Toán - DungT | Lý - Nhàn | Toán - L Thuỷ | Toán - Tuân | Lý - XuânL | | NNgữ - Quyến | | NNgữ - Nhinh | |
| | 3 | Toán - DungT | Lý - Nhàn | Toán - L Thuỷ | Toán - Tuân | Lý - XuânL | | NNgữ - Quyến | | NNgữ - Nhinh | |
| | 4 | Toán - DungT | Lý - Nhàn | Toán - L Thuỷ | Toán - Tuân | Lý - XuânL | | NNgữ - Quyến | | NNgữ - Nhinh | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 5 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | Toán - Thành | | Toán - Đi Nga | | Toán - Vĩnh |
| | 3 | | | | | | Toán - Thành | | Toán - Đi Nga | | Toán - Vĩnh |
| | 4 | | | | | | Toán - Thành | | Toán - Đi Nga | | Toán - Vĩnh |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | Hoá - LộcH | Toán - ThuýT | Lý - TúL | NNgữ - Sự | NNgữ - Nụ | | Văn - Thảo | | Văn - Bừng | |
| | 3 | Hoá - LộcH | Toán - ThuýT | Lý - TúL | NNgữ - Sự | NNgữ - Nụ | | Văn - Thảo | | Văn - Bừng | |
| | 4 | Hoá - LộcH | Toán - ThuýT | Lý - TúL | NNgữ - Sự | NNgữ - Nụ | | Văn - Thảo | | Văn - Bừng | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | Sinh - Hằng | | Văn - Thảo | | NNgữ - Quỳnh |
| | 3 | | | | | | Sinh - Hằng | | Văn - Thảo | | NNgữ - Quỳnh |
| | 4 | | | | | | Sinh - Hằng | | Văn - Thảo | | NNgữ - Quỳnh |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trường THPT Quảng Oai - TKB Số 2
Năm học 2024 - 2025
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## BUỔI CHIỀU

*Áp dụng từ ngày 30 tháng 09 năm 2024*

| THỨ | TIẾT | 12A11HT | 12A12HT | 12A13HT | 11A01TB | 11A02TB | 11A03TB | 11A04TB | 11A05TB | 11A06TB | 11A07TB |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | NNgữ - Sự | | TD - AnhTD | | | | QP - Sáng | | |
| | 3 | | NNgữ - Sự | | TD - AnhTD | | | | TD - XuânTD | | |
| | 4 | | NNgữ - Sự | | QP - Sáng | | | | TD - XuânTD | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 3 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | Toán - Đi Nga | | NNgữ - Quyến | | | | QP - Sáng | | | |
| | 3 | Toán - Đi Nga | | NNgữ - Quyến | | | | TD - AnhTD | | | |
| | 4 | Toán - Đi Nga | | NNgữ - Quyến | | | | TD - AnhTD | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 4 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | Toán - Vĩnh | | | | TD - AnhTD | | | QP - Sáng | |
| | 3 | | Toán - Vĩnh | | | | TD - AnhTD | | | TD - XuânTD | |
| | 4 | | Toán - Vĩnh | | | | QP - Sáng | | | TD - XuânTD | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 5 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | NNgữ - Quỳnh | | Toán - HuyềnT | | | | | | | TD - XuânTD |
| | 3 | NNgữ - Quỳnh | | Toán - HuyềnT | | | | | | | TD - XuânTD |
| | 4 | NNgữ - Quỳnh | | Toán - HuyềnT | | | | | | | QP - Sáng |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | Văn - Quân | | | QP - Sáng | | | | | |
| | 3 | | Văn - Quân | | | TD - AnhTD | | | | | |
| | 4 | | Văn - Quân | | | TD - AnhTD | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | Văn - Quân | | Văn - Bừng | | | | | | | |
| | 3 | Văn - Quân | | Văn - Bừng | | | | | | | |
| | 4 | Văn - Quân | | Văn - Bừng | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trường THPT Quảng Oai - TKB Số 2
Năm học 2024 - 2025
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## BUỔI CHIỀU

*Áp dụng từ ngày 30 tháng 09 năm 2024*

| THỨ | TIẾT | 12A01TB | 12A02TB | 12A03TB | 12A04TB | 12A05TB | 12A06TB | 12A07TB | 12A08TB | 12A09TB | 12A10TB |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | TD - Thơm | | | | |
| | 3 | | | | | | TD - Thơm | | | | |
| | 4 | | | | | | QP - Duy | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 3 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | QP - Duy | TD - Tuyết | TD - Phấn | | | | | |
| | 3 | | | TD - LongTD | TD - Tuyết | TD - Phấn | | | | | |
| | 4 | | | TD - LongTD | QP - Duy | QP - Sáng | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 4 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | QP - Duy | | |
| | 3 | | | | | | | | TD - Tuyết | | |
| | 4 | | | | | | | | TD - Tuyết | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 5 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | TD - Tuyết |
| | 3 | | | | | | | | | | TD - Tuyết |
| | 4 | | | | | | | | | | QP - Duy |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | TD - LongTD | QP - Duy | | | | | TD - Thơm | | QP - Sáng | |
| | 3 | TD - LongTD | TD - Tuyết | | | | | TD - Thơm | | TD - Phấn | |
| | 4 | QP - Duy | TD - Tuyết | | | | | QP - Sáng | | TD - Phấn | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trường THPT Quảng Oai - TKB Số 2
Năm học 2024 - 2025
Học kỳ 1

# THỜI KHOÁ BIỂU

## BUỔI CHIỀU

*Áp dụng từ ngày 30 tháng 09 năm 2024*

| THỨ | TIẾT | 12A11TB | 12A12TB | 12A13TB | 12A14TB | 12A15TB | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | QP - Duy | | | | | | | | | |
| | 3 | TD - Phấn | | | | | | | | | |
| | 4 | TD - Phấn | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 3 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 4 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | TD - Phấn | | | | | | |
| | 3 | | | | TD - Phấn | | | | | | |
| | 4 | | | | QP - Duy | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 5 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | QP - Sáng | | | | | | | | |
| | 3 | | TD - LongTD | | | | | | | | |
| | 4 | | TD - LongTD | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | QP - Duy | | TD - Thơm | | | | | |
| | 3 | | | TD - LongTD | | TD - Thơm | | | | | |
| | 4 | | | TD - LongTD | | QP - Sáng | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |